TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Sô Huy;

Ông N Văn Triệu.

- ***Thư kY phiên tòa***: Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 165/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trà N, sinh năm 1978.

Thường trú: KV B, phường P, quận Ô, TP. C

Tạm trú: 393, KV B, phường P, quận Ô, TP. C (Có mặt)

Bị đơn: Bà H Thị Kim L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 574 KV T, phường P, quận Ô, TP. C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trà N trình bày: Qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng Y của cha mẹ 02 bên, ông Trà N và bà H Thị Kim L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng kY kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 01/7/2004. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về

quan điểm, bất hòa về tình cảm và vấn đề kinh tế do bà L tự gây ra nợ. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 04 năm. Do thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên ông N xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là Trà Như Y (nữ), sinh ngày 28/5/2008; Trà Mỹ H (nữ), sinh ngày 27/01/2006; Trà Kim H (nữ), sinh ngày 27/01/2006 và Trà Đăng K (nam), sinh ngày 19/09/2016 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai cùng lời khai trong quá trình giải giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn H Thị Kim L trình bày: Bà H Thị Kim L thống nhất với lời trình bày của ông N về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà L thừa nhận nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình, bà L tự gây ra nợ nần, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung với khoảng thời gian dài không có biện pháp nào đề hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 04 năm. Mặc dù, bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, bà L vẫn còn thương ông N nên có nguyện vọng đoàn tụ gia đình, nên bà không đồng Y ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn thì bà L đồng Y giao 04 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trà N và bà H Thị Kim L, tiến tới hôn nhân có đăng kY kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông N có đơn xin ly hôn với bà L đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Ô Môn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà L tiến tới hôn nhân có đăng kY kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân muẫn vợ chồng: Ông N và bà L điều thống nhất khai nhận nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình, bà L tự gây ra nợ nần, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung với khoảng thời gian dài không có biện pháp nào đề hàn gắn

tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 04 năm. Bà L mong muốn được đoàn tụ với ông N, nên không đồng Y ly hôn với ông N. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian dài ly thân, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông N và bà L cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay ông N vẫn kiên quyết ly hôn với bà L. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thật sự sâu sắc, trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là Trà Như Y (nữ), sinh ngày 28/5/2008; Trà Mỹ H (nữ), sinh ngày 27/01/2006; Trà Kim H (nữ), sinh ngày 27/01/2006 và Trà Đăng K (nam), sinh ngày 19/09/2016 đến tuổi trưởng thành. Bà L cũng có Y kiến trong trường hợp ly hôn với ông N thì bà đồng Y giao các con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bản thân các cháu Như Y, Mỹ H, Kim H cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với ông N. Do đó, giao các con chung cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp. Ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trà N đối với bà H Thị kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trà N được ly hôn với bà H Thị Kim L.

Về con chung: Ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chung là Trà Như Y (nữ), sinh ngày 28/5/2008; Trà Mỹ H (nữ), sinh ngày 27/01/2006; Trà Kim H (nữ), sinh ngày 27/01/2006 và Trà Đăng K (nam), sinh ngày 19/09/2016 đến tuổi trưởng thành. Ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Ông N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số 0003599 ngày 25/5/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- VKSND quận ô Môn;
- *Chi cục THADS quận Ô Môn;*
- *UBND P. 3, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Kiệt